

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-HCC

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2025

V/v chuẩn hóa Danh mục kết quả, hồ sơ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 9340/VPCP-KSTT ngày 30/9/2025 của Văn phòng Chính phủ, về việc chuẩn hóa Danh mục kết quả, hồ sơ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (Có Công văn kèm theo).

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh:

- Khẩn trương kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, HĐND tỉnh đã tham mưu còn hiệu lực thi hành, trong đó có quy định về TTHC đặc thù thuộc thẩm quyền quản lý của ngành, đơn vị mình để kịp thời tham mưu công bố TTHC đối với trường hợp TTHC chưa được công bố, công khai theo quy định.

- Lập danh mục tên kết quả giải quyết, tên thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC của các TTHC đặc thù thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình (theo Danh mục TTHC đặc thù kèm theo)¹, gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh **trước ngày 07/10/2025** để thực hiện chuẩn hóa trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

- Nghiên cứu tài liệu hướng dẫn kèm theo Công văn số 9340/VPCP-KSTT, tổng hợp danh mục TTHC đặc thù của các sở, ban, ngành, thực hiện chuẩn hóa, cập nhật đối với kết quả giải quyết, thành phần hồ sơ của các TTHC (không cập nhật lại các kết quả giải quyết, thành phần hồ sơ đã có trong Danh mục do các Bộ, cơ quan cập nhật, tránh trùng lặp dữ liệu).

¹ Các đơn vị sau thực hiện lập danh mục: Sở Y tế, Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thực hiện đồng bộ đầy đủ theo thời gian thực bộ dữ liệu TTHC về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, trong đó có Danh mục kết quả giải quyết TTHC theo tài liệu hướng dẫn kết nối, tích hợp của Văn phòng Chính phủ đăng tải trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để thực hiện quy trình số hóa, sao chụp giấy tờ, bóc tách dữ liệu, cấp mã kết quả và lưu kết quả số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đâu Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẶC THÙ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
CỦA CÁC SỞ, NGÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Công văn số: /UBND-HCC ngày /10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên kết quả giải quyết	Tên thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết của TTHC khác	Ghi chú
I	Sở Y tế				
1	1.011464	Bồi hoàn kinh phí thực hiện chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2025.			
2	1.011463	Thực hiện chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2025.			
3	2.002506	Thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 (đối với các đối tượng mà thân nhân hoặc cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương quản lý).			
II	Sở Nội vụ				
4	1.007991	Thực hiện chính sách khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia, khu vực và thể giới thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Thể dục - Thể thao; giải thưởng về Khoa học và Công nghệ, Văn học - Nghệ thuật, Báo chí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
5	1.007922	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã.			

6	1.007921	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Đơn vị tổ chức phong trào giỏi cấp huyện.			
7	1.007920	Thủ tục công nhận hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, đơn vị tổ chức phong trào giỏi cấp tỉnh.			
8	1.007085	Xét tặng danh hiệu Vì sự phát triển Thanh Hóa.			
9	1.007071	Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
10	1.007069	Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa.			
11	1.007067	Thủ tục công nhận Danh hiệu Gia đình kiểu mẫu.			
12	1.007066	Thủ tục công nhận Danh hiệu Tổ dân phố kiểu mẫu.			
13	1.007064	Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa.			
14	1.007061	Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, tỉnh Thanh Hóa.			
15	1.007058	Thủ tục công nhận danh hiệu Cơ quan, đơn vị kiểu mẫu cho các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; danh hiệu Doanh nghiệp kiểu mẫu cho các doanh nghiệp.			
16	1.006545	Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách thôi đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố mới.			
III Sở Công Thương					
17	1.011176	Hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa bằng container qua Cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.			

18	1.011175	Hỗ trợ các phương tiện vận tải biển nội địa bằng container qua Cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.			
19	1.011174	Hỗ trợ các phương tiện vận tải biển quốc tế bằng container qua Cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.			
20	2.002486	Hỗ trợ thu hút lao động tại các huyện miền núi.			
21	2.002487	Hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp			
22	2.002485	Hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào khu vực miền núi.			
23	2.002484	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp			
24	1.005739	Thủ tục hành chính liên thông trong cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đối với công trình có tổng công suất trạm biến áp nhỏ hơn hoặc bằng 2.000 kVA.			
25	1.005687	Thủ tục hành chính liên thông trong cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đối với công trình có tổng công suất trạm biến áp lớn hơn 2.000 kVA.			
IV	Sở Xây dựng				
26	1.013345	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
27	1.013346	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
V	Sở Giáo dục và Đào tạo				
28	1.014313	Hỗ trợ kinh phí đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.			
VI	Sở Tài chính				
29	1.011448	Hỗ trợ tư vấn chuyên sâu cho các doanh nghiệp xuất khẩu tiếp cận thị trường xuất khẩu mới.			
VII	Sở Tư pháp				

30	1.014013	Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.			
31	1.014016	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.			
VIII	Sở Khoa học và Công nghệ				
32	2.002416	Hỗ trợ đầu tư mới hoặc đổi mới công nghệ cao trong bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản.			
33	2.002417	Hỗ trợ đầu tư mới hoặc đổi mới công nghệ - thiết bị sản xuất cát nhân tạo (cát nghiền).			
34	2.002415	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất lúa gạo chất lượng cao theo chuỗi giá trị hàng hóa quy mô lớn.			
35	2.002414	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm thẻ chân trắng.			
36	2.002413	Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật cao trong khám bệnh, chữa bệnh			
IX	Sở Nông nghiệp và Môi trường				
37	3.000235	Hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý.			
38	3.000234	Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao.			
39	3.000232	Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP.			

40	1.011467	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
41	1.011466	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một xã, phường (liên kết cấp xã) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
42	1.011468	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.			
43	1.011465	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi 02 xã, phường trở lên (liên kết cấp tỉnh) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
44	1.010854	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi.			
45	1.010852	Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.			
46	1.010851	Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu.			
47	1.010849	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô.			
48	1.010848	Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh.			
49	1.010855	Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả.			

50	1.006672	Cấp Giấy phép cắt xẻ đê để xây dựng công trình; xây dựng cống qua đê, khoan đào trong phạm vi bảo vệ đê điều và xây dựng công trình đặc biệt (công trình quốc phòng - an ninh, giao thông, thông tin liên lạc, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền, di tích lịch sử văn hoá, khu phố cổ, làng cổ, cụm tuyến dân cư sống chung với lũ và trên các cù lao) trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
51	1.006671	Cấp Giấy phép xây dựng công trình ngầm, khoan đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi một kilomet (1km) tính từ biên ngoài phạm vi bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
52	1.006669	Cấp Giấy phép để vật liệu, đào ao, giếng ở bãi sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
53	1.006668	Cấp Giấy phép nạo vét luồng, lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			
54	1.006666	Cấp Giấy phép sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.			